

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2022/HS-ST
Ngày 07-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Thảo ;
Bà Nguyễn Thị Thuởng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh T tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Ngọc An - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 232/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Đắc L - sinh năm 1991 tại T; Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đắc Bình và bà Lê Thị Bắc; bị cáo có vợ là Phan Thị Nghĩa và 03 con;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Trần Đức C – sinh năm 1986 (Vắng mặt)

ĐKHKTT: Thôn 1, xã C, huyện H, tỉnh T.

Nơi ở hiện nay: Phố P, phường X, thành phố T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định, Lê Đắc L đã đến anh Nguyễn Gia T1, sinh năm 1974 trú tại phố P, phường X, thành phố T thuê phòng trọ số 2 để chờ tìm việc làm. Đến 15 giờ ngày 08/4/2022, L quan sát thấy tất cả các phòng trọ trong dãy trọ đều khóa cửa, không có người ở nhà, tại phòng trọ số 3 là phòng trọ của anh Trần Đức C, sinh năm 1986 quê ở thôn 1, xã C, huyện H, tỉnh T, bên ngoài cửa được khóa bằng 01 chiếc khóa nhỏ, có thể dùng tay giật ra được. Do đó L nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. L đi lại trước cửa, dùng tay giật mạnh làm cho khóa cửa bung ra

rồi đi vào bên trong thấy trong phòng có một chiếc bàn có ngăn kéo đang được khóa, L dùng tay giật ổ khóa ngăn kéo bàn và lục soát thấy có 01 ví da màu đen cũ, rách. L kiểm tra bên trong thấy có 24 tờ tiền, loại 500.000 đồng và một số giấy tờ cá nhân mang tên Trần Đức C. L liền cho ví vào túi quần rồi đi ra ngoài bấm khóa cửa lại như cũ. Sau đó L sử dụng tiền lấy được đi mua số lô, số đề và mua quần áo, ví da cùng giấy tờ cá nhân L mang đến nhà để xe của công ty M2, khu công nghiệp L, phường X, thành phố T vứt bên hông nhà.

Đến 19 giờ cùng ngày, anh Trần Đức C đi làm về phát hiện phòng trọ bị phá khóa và mất tài sản liền điện cho anh T1 chủ nhà trọ, anh T1 đến công an phường X, thành phố T trình báo. Khi được triệu tập lên làm việc tại Công an phường X, thành phố T, Lê Đắc L khai nhận hành vi phạm tội như trên, đồng thời giao nộp số tiền còn lại là 2.337.000 đồng cùng quần áo đã mua từ tiền trộm cắp mà có.

Căn cứ lời khai của Lê Đắc L, công an phường X tiến hành truy tìm vật chứng là ví da và giấy tờ cá nhân của anh Trần Đức C. Kết quả đã thu giữ được tại khu vực bên hông trái nhà để xe của công ty M2, khu công nghiệp L, thành phố T 01 ví da màu đen có logo con cá sấu, bên trong có:

- 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Trần Đức C có số 380211006641 do Sở giao thông vận tải T cấp ngày 04/5/2021
- 01 Căn cước công dân số 038086011396 mang tên Trần Đức C;
- 01 bảo hiểm xe mô tô số 76721 đối với xe mô tô 36B8-680.76 mang tên Trần Đức C, do Bảo hiểm PVI cấp ngày 26/02/2022;
- 01 Giấy chứng nhận đã tiêm vaccin số 07397 do Bệnh viện đa khoa Hợp Lực cấp ngày 30/12/2021 (mũi 3)

Ngày 20/4/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành trưng cầu giám định đối với số tiền Lê Đắc L giao nộp.

Tại bản kết luận giám định số 1522/KL-KTHS ngày 27/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T đã kết luận: Số tiền 2.337.000 đồng gửi giám định là tiền thật.

Về vật chứng: Đối với ví da màu đen có logo hình con cá sấu, quá trình điều tra anh C khai báo mua và sử dụng đã lâu, thời điểm bị mất trộm chiếc ví đã rách, giá trị của ví không còn nên từ chối định giá. Ngày 10/5/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại số tiền 2.337.000 đồng, 01 ví da cùng toàn bộ giấy tờ cá nhân mang tên Trần Đức C cho anh C quản lý sử dụng, anh C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì đối với khóa cửa, khóa bàn bị hư hỏng.

Đối với số quần áo Lê Đắc L tự giác giao nộp, quá trình điều tra xác định L sử dụng tiền trộm cắp để mua, người bán không biết số tiền L T1 toán mua quần áo là tiền trộm cắp, mặt khác L đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại, Cơ quan điều tra xác định không phải vật chứng vụ án, do đó đã trả lại cho L quản lý, sử dụng.

Đối với việc L khai báo sử dụng tiền trộm cắp để mua số lô, số đề của người phụ nữ bán hàng tạp hóa tên Loan. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã

tiến hành ghi lời khai của Nguyễn Thị Loan, sinh năm 1971 trú tại P, phường X, thành phố T. Kết quả ghi lời khai Nguyễn Thị Loan không thừa nhận mình là người bán số lô, số đề cho L. Mặt khác Lê Đắc L cũng không giao nộp được giấy ghi phối số lô, số đề, không nhớ được đặc điểm của người bán số lô, số đề cho mình. Do đó không có căn cứ để xử lý về hành vi “Đánh bạc”.

Cáo trạng số 181/Ctr-VKS ngày 09/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, đã truy tố bị cáo Lê Đắc L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T, tỉnh T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo L từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo.

Về phần dân sự: Trong quá trình điều tra Lê Đắc L đã tự nguyện bồi thường số tiền 9.663.000 đồng cho anh C, anh C đã nhận đầy đủ số tiền bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 15 giờ ngày 08/4/2022, Lê Đắc L đã phá khóa cửa, khóa ngăn kéo bàn của phòng trọ số 2 nhà trọ của anh Nguyễn Gia T1 phố P, phường X, thành phố T lén lút chiếm đoạt của anh Trần Đức C số tiền 12 triệu đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS như Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về căn cứ quyết định hình phạt đối với bị cáo:

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Đắc L là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến trật tự an

toàn xã hội. Do đó cần xử lý nghiêm trước pháp luật.

Tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục là đủ, tạo điều kiện để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà nghiêm túc cải sửa, trở thành công dân tốt.

[4] Về phần bồi thường dân sự dân sự: Trong quá trình điều tra Lê Đắc L đã tự nguyện bồi thường số tiền 9.663.000 đồng cho anh C, anh C đã nhận đầy đủ số tiền bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm vấn đề bồi thường đối với bị cáo.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của BLHS; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đắc L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt Lê Đắc L 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện H, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND TP. T;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Bị cáo; Bị hại;
- Sở tư pháp tỉnh T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Linh